

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Kha  
2. Ông Hoàng Văn Thành.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 07/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐ-ST ngày 26/4/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***2. Bị đơn:*** Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Trần Ngọc C tại Việt Nam: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/3/2021, nguyên*

*đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị và anh Trần Ngọc C được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2012 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh C đi lao động tại nước ngoài, chị ở nhà cùng hai con, từ khi đi nước ngoài anh C không còn quan tâm đến mẹ con chị và thường gây cho chị nhiều áp lực, tình cảm vợ chồng dần xa cách, không còn như trước nữa. Đến năm 2019 thì anh C không còn quan tâm gì đến chị nữa và cắt đứt mọi liên lạc với chị, đến nay một mình chị phải nuôi hai con. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc C.

-Về con chung: Chị và anh C có 2 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 19/12/2016. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị M còn trình bày: Hiện nay anh C vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh C nhưng anh C không cung địa chỉ ở nước ngoài cho chị, anh C vẫn liên lạc về gia đình nhưng mẹ đẻ anh C là bà Dương Thị L, sinh năm 1960 trú tại: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bà L cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Trần Ngọc C.

*Bị đơn anh Trần Ngọc C không có bản tự khai.*

Ngày 11/3/2021 và ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Trần Ngọc C là bà Dương Thị L, sinh năm 1960; trú tại: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà L thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Ngọc C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc bà L vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình, nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng

không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C.

*Cháu Trần Gia H trên 7 tuổi có đơn trình bày:* Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn (bút lục 13).

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Ngọc C vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị M; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh C là bà Dương Thị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Ngọc C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Ngọc C; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc C là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Ngọc C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 19/12/2016 cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu án 300.000 đồng phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

Đối với bị đơn anh Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh C là bà Dương Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà L thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị M với anh Trần Ngọc C, yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Bà Dương Thị L trình bày: Anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Ngọc C theo thủ tục chung.

**[2]. Về thẩm quyền:** Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Trần Ngọc C, anh C hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 1714/QLXNC- P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 19/1/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh C xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 25/7/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Ngọc C kết hôn năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh C đi lao động tại nước ngoài, chị ở nhà cùng hai con, từ khi đi nước ngoài anh C không còn quan tâm đến mẹ con chị và thường gây cho chị nhiều áp lực, tình cảm vợ chồng dần xa cách, không còn như trước nữa. Đến năm 2019 thì anh C không còn quan tâm gì đến chị và cắt đứt mọi liên lạc với chị, đến nay một mình chị phải nuôi hai con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Trần Ngọc C. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh C chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 anh C đi lao động ở nước ngoài thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách anh C không còn quan tâm đến chị M nữa và cắt đứt mọi liên lạc với chị M từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Ngọc C.

**[4]. Về nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Ngọc C có hai con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 19/12/2016. Hiện nay các con chung đang ở với chị M, ly hôn chị M đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị M. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh Trần Ngọc C đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Ngọc C từ khi đi nước ngoài thì các con chung là cháu H và cháu T vẫn do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Do đó, yêu cầu được nuôi hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn là có căn cứ. Do vậy, căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung cháu H và cháu T của chị Nguyễn Thị M. Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 19/12/2016 cho chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật, là phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Trần Ngọc C về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung, anh C có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

**[5]. Về tài sản, công nợ:** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Ngọc C.

**2.Về nuôi con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Trần Phương T, sinh ngày 19/12/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Trần Ngọc C về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung, anh C có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

**3.Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000896 ngày 04/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ.

**4.Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Trần Ngọc C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**









